TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số:12/2017/DS -ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Văn Tý
2/ Bà Bùi Thị Thiềm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hữu Soái – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2017/TLST - DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N (Dưới đây gọi tắt là Ngân hàng)
Địa chỉ: Số nhà x , đường D, phường F, quận L, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Chí T - Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk.

(Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV–HC ngày 19/6/2014 và giấy ủy quyền ngày 22/9/2017)
Địa chỉ: Số xx đường E, phường K, TP B, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L.
Cùng cư trú tại: Thôn Q, xã E , huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Chí T trình bày:

Vào ngày 31/3/2014 ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng tín dụng số 5218LVA-201400360 với Ngân hàng N chi nhánh H để vay số tiền là 70.000.000^{đ} (bảy mươi triệu đồng), lãi suất vay là 11,5% năm, thời hạn vay là 12 tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 31/3/2015, được ngân hàng cho gia hạn trả nợ đến

31/3/2016. Thực hiện hợp đồng ông M, bà L đã trả tiền lãi cho Ngân hàng được 8.318.333^{đ} và đã quá hạn trả nợ từ ngày 01/4/2016 đến nay. Ngân hàng đã áp dụng mọi biện pháp để thu hồi nợ, nhưng ông M, bà L vẫn chưa trả nợ. Tính đến ngày 22/9/2017 ông M, bà L còn nợ của Ngân hàng số tiền nợ gốc là 70.000.000^{đ} và tiền lãi là 18.618.403^{đ}.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay trên ông M, bà L đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 65 ngày 29/3/2012 và phụ lục bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 27/3/2014 thế chấp cho Ngân hàng tài sản gồm có quyền sử dụng đất diện tích 2.170 m^2 thửa đất số 183, tờ bản đồ số 31, địa chỉ đất tại thôn Q, xã E , huyện K, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA xxx do UBND huyện K cấp ngày 17/6/2011 mang tên ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L. Trên đất có căn nhà xây cấp 4 và các cây trồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông M, bà L phải trả số tiền gốc là 70.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 22 tháng 9 năm 2017 là 18.618.403^{đ}, tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến ngày trả xong nợ.

Trường hợp ông M, bà L không trả được nợ, đề nghị Tòa án xử lý phát mãi tài sản thế chấp quyền sử dụng đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 31/3/2014 vợ chồng ông M, bà L ký hợp đồng tín dụng số 5218LVA – 201400360 vay của Ngân hàng N chi nhánh H số tiền là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), lãi suất vay là 11,5% năm, thời hạn vay là 12 tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 31/3/2015, được Ngân hàng cho gia hạn trả nợ đến 31/3/2016 và đã quá hạn trả nợ từ ngày 01/4/2016 đến nay. Quá trình thực hiện hợp đồng ông bà đã trả lãi được thời gian 01 năm, sau đó kinh tế gia đình khó khăn nên chưa trả được nợ. Hiện ông bà còn nợ gốc là 70.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 16/7/2017 là 18.604.000^{đ}.

Vợ chồng bà L có thế chấp cho Ngân hàng tài sản gồm căn nhà xây cấp 4, quyền sử dụng đất diện tích 2.170 m^2 thửa đất số 183, tờ bản đồ số 31, địa chỉ đất tại thôn Q, xã E, huyện K, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA xxx do UBND huyện K cấp ngày 17/6/2011 mang tên ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L.

Nay ngân hàng khởi kiện bà đồng ý trả nợ, đề nghị ngân hàng trả nợ vào ngày 20/9/2017. Trường hợp không trả được nợ đề nghị Tòa án căn cứ vào hợp đồng đã ký kết giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là*"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Toà án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 466 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L phải trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền nợ gốc là 70.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 22/9/2017 là 18.618.403^{đ}, tiếp tục tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không trả được nợ, xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn Ngân hàng cho bị đơn ông M, bà L vay 70.000.000^{đ}. Nguyên đơn khởi kiện đòi nợ vay, HĐXX xác định quan hệ pháp tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cú trú tại thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông M, bà L phải trả số tiền gốc 70.000.000^{đ} và tiền lãi chưa trả, ngân hàng đã giao nộp chứng cứ là bản sao hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, phụ lục bổ sung hợp đồng thế chấp, đơn đăng ký giao dịch bảo đảm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2017 bị đơn bà L thừa nhận vào ngày 31/3/2014 vợ chồng bà L, ông M có vay của Ngân hàng số tiền 70.000.000^{đ}, đã trả lãi được một năm, do khó khăn nên chưa trả được nợ. Như vậy, việc Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng 5218LVA - 201400360 ngày 31/3/2014 cho ông M, bà L vay tiền là có thật. Thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn vay số tiền gốc là 70.000.000^{đ}, lãi suất 11.5% năm, thời hạn vay là 12 tháng, được gia hạn đến ngày 31/3/2016, quá hạn trả nợ từ ngày 01/4/2016 đến nay. Sau khi bị đơn nhận tiền vay của ngân hàng, bị đơn trả tiền lãi được 8.318.333^{đ}, quá hạn trả nợ từ ngày 01/4/2016 nhưng bị đơn vẫn không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay. Xét hợp đồng tín dụng đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của BLDS năm 2015, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên áp dụng các quy định của BLDS năm 2015 để giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Xét

yêu cầu khởi kiện đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 70.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 22/9/2017 là 18.618.403đ, tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến ngày bị đơn trả hết nợ.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, HĐXX xét thấy khi vay vốn, bị đơn thế chấp tài sản cho nguyên đơn tại hợp đồng thế chấp số 65 ngày 29/3/2012 và phụ lục bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 27/3/2014, được đăng ký thế chấp ngày 29/3/2012, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất diện tích 2.170 m^2 thửa đất số 183, tờ bản đồ số 31, địa chỉ đất tại thôn Q, xã E, huyện K, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA xxx do UBND huyện K cấp ngày 17/6/2011 mang tên ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L. Hợp đồng thế chấp được ký kết và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm hợp đồng tín dụng, chưa trả được nợ cho nguyên đơn ngân hàng. Trong trường hợp ông M, bà L không trả được nợ, áp dụng Điều 299 BLDS năm 2015 xử lý tài sản thế chấp nói trên để thanh toán nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông M, bà L phải chịu án phí DSST là 4.400.000đ .

Nguyên đơn ngân hàng không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.215.000đ tại biên lai số 4034 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 466, Điều 299 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng N (trả tại chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk) số tiền nợ gốc 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 22/9/2017 là 18.618.403đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 65 ngày 29/3/2012 và phụ lục bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 27/3/2014. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất diện tích 2.170 m^2 thửa đất số 183, tờ bản đồ số 31, địa chỉ đất tại thôn Q, xã E, huyện K, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA xxx do UBND huyện K cấp ngày 17/6/2011 mang tên ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L.

2/ Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 4.400.000^đ (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh H, số tiền tạm ứng án phí 2.215.000^đ (*hai triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai số: 4034 ngày 25 tháng 7 năm 2017.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS H. Krông Ana;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Tuyên